

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022.

V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Kiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Thịnh Tuyền.

2. Bà Phạm Thị Hằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyen - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm KT, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (*Có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Ngọc Việt H1, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ED, xã EW, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt. (*Có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

Chị và anh Ngọc Việt H1 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh

Đắk Lắk. Trước khi kết hôn, chị và anh H1 quen biết và yêu nhau một thời gian, việc kết hôn hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị và anh H1 sống tại thôn EaDuât, xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk cùng với gia đình bố mẹ đẻ anh H1. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng về quan điểm, anh H1 không quan tâm đến cuộc sống của gia đình, của vợ, con, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh H1 nhiều lần chửi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, thậm chí vợ chồng xảy ra xô xát. Không thể chịu đựng được nên từ đầu năm 2019 chị đã đưa con về ở nhà bố, mẹ đẻ của chị ở xóm KT, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Ngọc Việt Bảo An, sinh ngày 09/5/2018, từ cuối năm 2019 chị đã đưa con cùng chị về ở tại gia đình bố mẹ chị tại xóm KT, xã KP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H1 không có tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn – anh Ngọc Việt H1: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 15/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, anh H1 trình bày:

Anh và chị Trương Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2017. Trước khi kết hôn, anh và chị H quen biết và yêu nhau một thời gian, việc kết hôn anh và chị H đều tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ đẻ anh tại thôn EaDuât, xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, người thân trong gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chỉ được một thời gia ngắn vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, từ

đầu năm 2019 chị H đã tự ý đưa con về ở nhà bố, mẹ đẻ của chị ở xóm KT, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, anh đã gọi điện thoại nhiều lần nhưng chị H không về sống chung, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Ngọc Việt Bảo An, sinh ngày 09/5/2018, hiện nay cháu đang ở với chị H. Chị H đề nghị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hai bên đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Sau khi Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H, cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Ngọc Việt H1; Về con chung: Giao cháu Ngọc Việt Bảo An, sinh ngày 09/5/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H1, do chị H tự nguyện không yêu cầu. Chị Trương Thị H và anh Ngọc Việt H1 không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thảo luận tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án trong vụ án đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đ là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Chị Trương Thị H và anh Ngọc Việt H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2017 theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ đẻ anh H1 tại xã EaWer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn, từ cuối năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2019 chị H đưa con về ở nhà bố, mẹ đẻ của chị ở xóm KT, xã KP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H cương quyết ly hôn, anh H1 nhất trí. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho ly hôn giữa chị H với anh H1.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Ngọc Việt H1 có một con chung là Ngọc Việt Bảo An, sinh ngày 09/5/2018, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Con chung của chị H và anh H1 còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, từ

năm 2019 khi chị H và anh H1 ly thân thì chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ đó đến nay, khi ly hôn anh H1 cũng nhất trí để chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Ngọc Việt Bảo An, sinh ngày 09/5/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H1.

Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Các Điều 39; 147; 238; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Ngọc Việt H1.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ngọc Việt Bảo An cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H1 do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Anh Ngọc Việt H1 có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị Trương Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004525 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã EaWer, huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Kiểm